

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn. Địa chỉ: số 1A Thuận Kiêu, phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh Người đại diện: Lê Văn Đoàn Chức vụ: Q.Giám Đốc Số tài khoản: 0241002230.008 NH. TMCP An Bình- PGD Chợ Lớn; Mã số thuế: 0300951119003 Điện thoại: (028) 2222.0558 Fax: (028) 2222.0558</p> <p><i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh số 0300951119-003. Giấy ủy quyền số 4213/UQ-EVNHCMC ngày 14/08/2025.</i></p>
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Thi công xây lắp, cung cấp vật tư và mua bảo hiểm công trình Hoàn thiện, phát triển lưới điện trung thế quận Tân Phú năm 2026
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Phường Tân Sơn Nhì, Tây Thạnh, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 180 ngày , kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 180 ngày , kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ___ [ghi ngày].
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];...
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [Chủ đầu tư điền]

E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. - BCKTKT-DT đã được phê duyệt theo Quyết định số 651/QĐ-PCCL ngày 06/03/2026 của Công ty Điện lực Chợ Lớn.
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng Cụ thể: $3\% \times \underline{\hspace{2cm}} = \underline{\hspace{2cm}}$ đồng (<i>Bằng chữ: _____</i>) - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến <u> </u> <i>[căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].</i> - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm <u> </u> <i>[ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực]</i> ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Ngay sau khi hoặc không chậm hơn 14 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>

E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 02 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Nhà thầu phải mua bảo hiểm kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình.</p> <p>1. Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định hiện hành tại một công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp ở Việt Nam, bao gồm:</p> <p>a. Nhà thầu thay mặt Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình xây dựng cùng với vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp của công trình (nếu có). Thời hạn bảo hiểm: kể từ ngày khởi công công trình đến ngày hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng với 36 tháng bảo hành công trình theo qui định, giá trị bảo hiểm đã được tính trong giá gói thầu. Trong hợp đồng bảo hiểm rủi ro xây dựng, lắp đặt cho dự án, phải ghi rõ đơn vị thụ hưởng là Chủ đầu tư. Nhà thầu phải xuất trình Giấy chứng nhận bảo hiểm công trình xây dựng kèm theo bản sao hoá đơn mua bảo hiểm trước khi Chủ đầu tư ban hành lệnh khởi công công trình.</p> <p>b. Nhà thầu phải có nghĩa vụ mua bảo hiểm bằng tiền của Nhà thầu đối với phạm vi bảo hiểm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động. - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba. - Trước khi thi công, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các chứng nhận bảo hiểm theo Hợp đồng này cho Chủ đầu tư. <p>2. Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư thực hiện tốt các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp xảy ra tổn thất, Nhà thầu phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư đồng thời liên hệ trực tiếp với đơn vị bảo hiểm để làm</p>

	các thủ tục yêu cầu bảo hiểm theo như các quy định trong hợp đồng bảo hiểm.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 36 tháng, kể từ ngày nghiệm thu hoàn tất công trình.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: _____ [liệt kê các thông tin và dữ liệu về công trường].
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ [ghi địa điểm và ngày].
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: số ngày tiến hành hòa giải tối đa 28 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>1. Khi giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng, các bên phải tuân thủ nguyên tắc và trình tự giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</p> <p>2. Trường hợp các bên tham gia hợp đồng có thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng thông qua hòa giải được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức hoặc một, một số cá nhân chuyên gia (gọi chung là ban xử lý tranh chấp), khi đó việc xử lý tranh chấp hợp đồng thông qua ban xử lý tranh chấp được quy định như sau:</p> <p>a) Ban xử lý tranh chấp có thể được nêu trong hợp đồng tại thời điểm ký kết hoặc thiết lập sau khi có tranh chấp xảy ra. Số lượng thành viên ban xử lý tranh chấp do các bên tự thỏa thuận. Thành viên ban xử lý tranh chấp phải là người có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung tranh chấp, kinh nghiệm trong vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng và hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng xây dựng.</p> <p>b) Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.</p>

	<p>c) Chi phí cho ban xử lý tranh chấp được tính trong giá hợp đồng xây dựng và do mỗi bên hợp đồng chịu một nửa, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p>3. Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục Trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: theo mục E-ĐKC 1.18 – Chương IV: Điều kiện cụ thể của hợp đồng. - Ngày hoàn thành dự kiến: theo mục E-ĐKC 1.17 – Chương IV: Điều kiện cụ thể của hợp đồng.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày làm việc từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: trường hợp thực tế thi công không theo đúng tiến độ dự kiến hoặc do các trở ngại trong quá trình thi công, dẫn đến tiến độ thi công theo kế hoạch ban đầu không còn phù hợp, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện không còn theo đúng kế hoạch và/hoặc ngày mà trở ngại làm ảnh hưởng đến tiến độ đã được các bên liên quan thống nhất phương án giải quyết, nhà thầu phải cập nhật lại Biểu tiến độ thi công chi tiết, thông qua giám sát A, trình Chủ đầu tư chấp thuận làm cơ sở triển khai thi công phần công việc còn lại. - Trường hợp thi công các hạng mục khuất lấp, Nhà thầu gắn camera quay phim toàn bộ các công đoạn chính yếu khi thi công bao gồm: đổ bê tông kết cấu chịu lực (sàn, tầng, cột, mương cáp, hầm,...), quá trình khuất lấp (đặt ống, cáp,..), quá trình dựng cột, kéo dây, kéo cáp ngầm, độ sâu chôn cáp. Các đoạn phim quay được lưu trữ trong các thẻ nhớ và cung cấp cho chủ đầu tư hàng tháng để kiểm tra. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: theo quy định xử phạt chậm trễ nộp hồ sơ nêu tại Mục E-ĐKC 49.1– ĐKCT của hợp đồng.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công, lịch cắt điện theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.</p>

	<p>b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.</p> <p>c) Sự chậm trễ thực hiện hồ sơ thủ tục, chậm trễ bàn giao mặt bằng, trở ngại trên công trường không do lỗi của nhà thầu mà do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra, người dân ngăn cản không cho thi công...</p> <p>d) Chủ đầu tư chậm phối hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>
<p>C. Quản lý chất lượng</p>	
<p>E-ĐKC 33.2</p>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: tất cả vật tư, thiết bị (trừ các vật tư phụ, phụ gia có khối lượng nhỏ, vật tư phục vụ thi công) sử dụng trong thi công công trình (bao gồm VTTB do nhà thầu cấp) phải theo đúng tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm nêu trong hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn Việt Nam và quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM và các quy định khác có liên quan; có đầy đủ chứng từ xuất xưởng, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận chất lượng, tài liệu kỹ thuật, cam kết bảo hành, hướng dẫn lắp đặt, vận hành,... của Nhà sản xuất; có đầy đủ biên bản thử nghiệm do đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp ban hành. Đối với các thiết bị đóng cắt, bảo vệ, dây dẫn phải thử nghiệm đạt tiêu chuẩn vận hành trước khi lắp đặt (từ ngày thử nghiệm đến khi đóng điện không quá 6 tháng); các vật liệu cách điện, đà, phụ kiện, mẫu bê tông,... phải có biên bản thử nghiệm đầy đủ các hạng mục thử bắt buộc theo yêu cầu HSMT, đối với mẫu bê tông thử theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Trường hợp nghi ngờ về chất lượng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu lấy mẫu (không quá 5% tổng số lượng theo từng mặt hàng cung cấp cho gói thầu) thử nghiệm lại (tại đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp) các hạng mục theo yêu cầu HSMT, chi phí thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp kết quả thử nghiệm không đạt, nhà thầu phải thay thế VTTB khác đáp ứng yêu cầu HSMT, thời gian này vẫn tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>Tất cả vật tư, thiết bị trước khi lắp đặt vào công trình phải được giám sát A kiểm tra, nghiệm thu chấp thuận.</p> <p>Các máy móc, thiết bị phục vụ thi công phải được kiểm định đảm bảo an toàn theo đúng quy định.</p>
<p>E-ĐKC 34.2 (c)</p>	<p>- Chủ đầu tư có trách nhiệm đảm bảo điều kiện hạ tầng viễn thông CNTT, chữ ký số để thực hiện việc ghi (nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT), biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm IMIS và thường xuyên kiểm</p>

	<p>tra việc cập nhật NKTCĐT và lập BBNTĐT của nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn giám sát (TVGS)</p> <p>- Nhà thầu thi công và đơn vị TVGS có trách nhiệm thực hiện việc ghi NKTCĐT trên phần mềm IMIS hàng ngày, lập BBNTĐT trên IMIS, đảm bảo đầy đủ các nội dung của nhật ký và biên bản, xác nhận bởi người có trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và lưu trữ NKTCĐT, BBNTĐT dạng file pdf nhận về từ hệ thống IMIS và sử dụng làm căn cứ để nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán hợp đồng, lưu hồ sơ... theo quy định của Luật Xây dựng.</p>
<p>D. Quản lý chi phí</p>	
<p>E-ĐKC 40</p>	<p>Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.</p>
<p>E-ĐKC 41.1</p>	<p>Giá hợp đồng: Cố định</p>
<p>E-ĐKC 42.1</p>	<p>- Tạm ứng: Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho Nhà thầu 20% giá trị hợp đồng (chưa thuế).</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu giao đầy đủ các chứng từ hợp lệ sau:</p> <p>Sau khi hợp đồng có hiệu lực, nếu Nhà thầu có yêu cầu tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị hợp đồng trước thuế trong vòng 14 ngày làm việc khi nhà thầu giao đầy các chứng từ hợp lệ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy yêu cầu tạm ứng của nhà thầu (do Giám đốc ký). + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (01 bản gốc + 02 bản sao y bản chính, do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng 3% giá trị hợp đồng) + Giấy bảo lãnh tiền tạm ứng (01 bản gốc + 02 bản sao y bản chính, do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, giá trị bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải có giá trị bằng khoản tiền tạm ứng); + Hồ sơ chứng minh Nhà thầu đã thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. + Hợp đồng và giấy chứng nhận/Chứng thư bảo hiểm cho công trình (bản chính), kèm theo bản sao hóa đơn hoặc chứng từ đã thanh toán chi phí bảo hiểm công trình (phần bảo hiểm của chủ đầu tư giao cho nhà thầu mua); + Thông báo khởi công của chủ đầu tư.

	<p>Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.</p> <p>Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi toàn bộ ngay từ lần thanh toán đầu tiên.</p> <p>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng và trước khi chấm dứt hợp đồng (tùy theo từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.</p> <p>Nếu Nhà thầu có yêu cầu thanh toán giai đoạn, Chủ đầu tư sẽ xem xét thanh toán theo khối lượng xây lắp thực tế của từng giai đoạn hoàn thành được các bên nghiệm thu nhưng tối đa tổng các lần thanh toán giai đoạn không quá 80% giá trị hợp đồng (bao gồm cả phần tạm ứng) với điều kiện nhà thầu phải thi công đạt tối thiểu 50% giá trị hợp đồng. Giá trị thanh quyết toán giai đoạn sẽ được hai bên căn cứ vào Hợp đồng, hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có), Bảng giá hợp đồng, Bảng giá hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có), Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn để tiến hành quyết toán và thanh toán hợp đồng theo quy định.</p> <p>2. Giá trị thanh toán giai đoạn là 95% giá trị quyết toán giai đoạn (bao gồm chi phí đã tạm ứng) sau khi có đầy đủ các hồ sơ thanh toán giai đoạn theo quy định.</p> <p>a) Sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% khối lượng xây lắp thực tế (bao gồm giá trị đã thanh toán các giai đoạn) cho Nhà thầu theo giá trị quyết toán công trình đã được thỏa thuận và Nhà thầu có đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu với số tiền là: 5% khối lượng xây lắp thực tế theo giá trị quyết toán công trình trừ/cộng giá trị xây lắp chênh lệch theo số liệu phê duyệt quyết toán (nếu có). Trường hợp giá trị quyết toán công trình trừ nhiều hơn số tiền giữ lại khi đó khoản tiền chênh lệch này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư trong vòng 10 ngày kể từ ngày hồ sơ quyết toán công trình được hai bên ký thông qua.</p> <p>Riêng chi phí dự phòng chỉ được thanh toán cho phần khối lượng công việc ngoài phạm vi công việc được giao trong hợp</p>

đồng, trường hợp không có khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi công việc được giao trong hợp đồng thì chi phí dự phòng sẽ không được thanh toán.

3. Hồ sơ thanh toán:

a) Hồ sơ thanh toán giai đoạn bao gồm:

– Văn bản đề nghị thanh toán giai đoạn của Nhà thầu (do Giám đốc ký);

– Hồ sơ nghiệm thu, Biên bản nghiệm thu giai đoạn công trình;

– Hồ sơ quyết toán giai đoạn giữa Chủ đầu tư – Nhà thầu;

– Hồ sơ chứng minh Nhà thầu đã thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm đối với bên thứ ba) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật (nếu Nhà thầu đã cung cấp hồ sơ này trong giai đoạn khởi công/ tạm ứng thì không cần nộp thêm cho giai đoạn thanh toán);

– Hợp đồng và Giấy chứng nhận/ Chứng thư bảo hiểm cho công trình (bản chính), kèm theo bản sao hóa đơn hoặc chứng từ đã thanh toán chi phí bảo hiểm công trình (phần bảo hiểm của Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu mua) (nếu Nhà thầu đã cung cấp hồ sơ này trong giai đoạn khởi công/ tạm ứng thì không cần nộp thêm cho giai đoạn thanh toán);

– Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc);

– Hồ sơ liên quan khác (nếu cần) theo yêu cầu của thủ tục thanh toán đầu tư xây dựng.

b) Hồ sơ thanh toán bao gồm:

– Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu (do Giám đốc ký);

– Hồ sơ hoàn công;

– Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình;

– Biên bản bàn giao mặt bằng sau khi thi công hoàn tất cho cơ quan lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật;

– Hồ sơ quyết toán do Nhà thầu lập kèm đầy đủ các phiếu xuất vật tư của Chủ đầu tư, phiếu nhập vật tư của Chủ đầu tư (trường hợp có hoàn trả vật tư của Chủ đầu tư cấp thừa sau thi công);

– Thư Bảo lãnh bảo hành (01 bản gốc + 02 bản sao y bản chính, do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, giá trị bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá hợp đồng);

– Phê duyệt phạt/ không phạt vi phạm hợp đồng của Chủ đầu tư (nếu có);

	<p>–Biên bản xác nhận vật tư thừa hoàn trả sau thi công (trường hợp có vật tư thừa sau thi công);</p> <p>–Trường hợp có vật tư thừa sau khi thi công mà Nhà thầu không hoàn trả thì chứng từ kèm theo là: Biên bản xác nhận vật tư thừa không thể thu hồi, phê duyệt giá vật tư thu hồi của Chủ đầu tư mà Nhà thầu phải bồi thường;</p> <p>–Hồ sơ chứng minh Nhà thầu đã thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm đối với bên thứ ba) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật (nếu Nhà thầu đã cung cấp hồ sơ này trong giai đoạn khởi công/ tạm ứng/ thanh toán giai đoạn thì không cần nộp thêm cho giai đoạn thanh toán);</p> <p>–Hợp đồng và giấy chứng nhận/Chứng thư bảo hiểm cho công trình (bản chính), kèm theo bản sao hóa đơn hoặc chứng từ đã thanh toán chi phí bảo hiểm công trình (phần bảo hiểm của Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu mua) (nếu Nhà thầu đã cung cấp hồ sơ này trong giai đoạn khởi công/ tạm ứng/ thanh toán giai đoạn thì không cần nộp thêm cho giai đoạn thanh toán);</p> <p>–Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc);</p> <p>–Hồ sơ liên quan khác (nếu cần) theo yêu cầu.</p> <p>4. Thời hạn thanh toán: không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: <i>được phép áp dụng điều chỉnh thuế.</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: không áp dụng (vì nhà thầu nộp bảo đảm bảo hành bằng hình thức bảo lãnh do ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam phát hành).</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>- Khi phát sinh khối lượng thực hiện so với hợp đồng đã ký</p>

	<p>- Khi có khối lượng phát sinh ngoài gói thầu trong quá trình thực hiện.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 20%.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>Áp dụng theo Quyết định số 5041/QĐ-EVNHCNM ngày 30/9/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng.</p> <p>a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm đối với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau:</p> <p>Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán.</p> <p>- Vi phạm về chất lượng công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại. + Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại. + Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng. + Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt hoặc không tuân thủ phương án thi công, phương án thi công hoặc do tự ý thay đổi thiết kế. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng. + Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra. + Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. + Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. + Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có

	<p>thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vi phạm khác như: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan, ... ✓ Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm, ... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình. ✓ Không thực hiện ký quỹ giá trị thi công đào và tái lập mặt đường với Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh khi xin cấp giấy phép thi công. ✓ Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu. ✓ Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định. <p>b) Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định). - Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2 %, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4 %, tối đa 12 %). - Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5 %, mức phạt tối đa đến 12 % sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng). <p>- Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 49.2</p>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng theo Quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng.</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>

	<p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự].</p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: áp dụng Mức thưởng: theo Quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/09/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Hướng dẫn thưởng, phạt bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng.</p> <p>Tổng số tiền thưởng tối đa: Theo quy định về phân cấp tiền thưởng từ quỹ khen thưởng cho các Đơn vị hàng năm kèm theo giấy khen của Đơn vị cấp cho bên nhận thầu.</p>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: Chủ đầu tư tiếp nhận công trình để đưa vào vận hành, sử dụng ngay sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành và có đầy đủ Biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công (bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình...) theo đúng quy định.</p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành.</p>
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại: Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình, nếu nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành hoặc các tài liệu này không được chủ đầu tư chấp nhận, chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền là 5 % giá trị thanh toán</p>
E-ĐKC 56.1(a)	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 05 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>

